

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK**
Bản án số: 01/2025/HC-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 17 - 9 - 2025

*“V/v kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Sơn

2. Ông Võ Ánh Sứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân
Khu vực 9 - Đắk Lắk

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-HC ngày 08 tháng 5 năm
2025 về việc kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HC ngày 18 tháng 8 năm 2025 và
theo Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HC ngày 05 tháng 9 năm 2025,
giữa các đương sự:

1.1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K; bà Trịnh Thị Y (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 11, đường Bà T, phường B, tỉnh Đắk Lắk

1.2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay
là Ủy ban nhân dân xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk)

Địa chỉ cũ: Thôn 1, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ mới: Số nhà 22, đường Đ, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Trần Anh T; Chức vụ: Nguyên Phó chủ tịch UBND xã Ea R, huyện Ea
H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Ông Ngô Văn C; Chức vụ: Phó Phòng kinh tế - UBND xã Ea D, tỉnh Đắk
Lắk (Có mặt)

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thuế cơ sở 5, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Số nhà 832, đường G, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nghiêm Văn L; Chức vụ: Phó trưởng
Thuế cơ sở 5, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

1.4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc B là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH.MTV P, Chi nhánh Gia Lai (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 11, đường B, phường B, tỉnh Đắk Lắk
1.5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lương Quang V; Chức vụ: Nguyên là Công chức địa chính NNXD&MT – Ủy ban nhân dân xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày tóm tắt:

Năm 1984, ông K, bà Y đi xây dựng vùng kinh tế mới tại thôn 5, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk và khai hoang được 01 thửa đất có chiều rộng khoảng 27m mặt đường giáp Quốc lộ 14, tổng diện tích khoảng 2.700m² và toàn bộ diện tích đất trên được ông K, bà Y quản lý, sử dụng đến năm 2003 không tranh chấp với ai, cũng như không có ý kiến phản đối từ phía các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Từ năm 2003 đến nay, ông K, bà Y vẫn quản lý, sử dụng đối với diện tích đất khai hoang nêu trên khoảng 14m tiếp giáp mặt đường Quốc lộ 14 x 30m (chưa tính 8m mà Ủy ban nhân dân xã Ea R đã cưỡng chế nhưng chưa bồi thường và 3m hiện làm đường) và tài sản trên đất là căn nhà gỗ được làm từ năm 1984 đến nay vẫn còn.

Nguồn gốc diện tích đất nêu trên trước đây là đất rừng phòng hộ Quốc lộ 14 do Lâm trường Thuận M quản lý và sử dụng. Đến năm 1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao cho Ban quản lý và bảo vệ rừng phòng hộ Quốc lộ 14 quản lý.

Năm 2003, thực hiện Quyết định số: 905/QĐ-UB ngày 01/04/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt phương án giao đất, giao rừng cho các hộ dân tại địa phương hiện đang quản lý, sử dụng đất rừng phòng hộ Quốc Lộ 14 tại huyện Ea H, nên Ủy ban nhân dân xã Ea R đã thông báo cho gia đình ông K, bà Y biết. Ông K, bà Y đã kê khai và sử dụng diện tích đất nói trên và thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước đúng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể: Nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước vào ngày 25/09/2003 số tiền thuế nhà đất phải nộp là 21.300đ (Hai mươi một nghìn, ba trăm đồng), quy ra thóc là 19,4kg. Ngày 26/09/2003 gia đình ông K, bà Y nộp tiếp tiền thuế nhà đất lần thứ 2 trong năm, với số tiền nộp là 11.000đ (Mười một nghìn đồng). Sau đó, gia đình ông K, bà Y tiếp tục nộp thuế sử dụng đất cho đến năm 2011, nộp cho diện tích đất gia đình ông K kê khai, đăng ký và hiện đang sử dụng. Quá trình kê khai, ông K, bà Y có nộp hồ sơ cho UBND xã Ea R. Nhưng UBND xã Ea R làm thất lạc hồ sơ, do đó ông K, bà Y khiếu nại.

Tuy nhiên, tại Thông báo số: 41/TB - UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã Ea R (Nay là UBND xã Ea D) cho rằng vợ chồng ông K không có trong danh sách các hộ nộp tiền thuế tại khu vực tái định cư sau khi giải tỏa rừng phòng hộ

Quốc lộ 14 tại thôn 5, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Nhận thấy: Thông báo số: 41/TB - UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã Ea R (Nay là UBND xã Ea D) là không đúng, thiếu khách quan đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông K, bà Y. Vì thực tế từ năm 2003 đến năm 2011, ông K, bà Y thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước đối với thửa đất nêu trên (Có các biên lai nộp thuế kèm theo). Do đó, ông K, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hủy Thông báo số 41/TB - UBND ngày 10/7/2024 của UBND xã Ea R (Nay là UBND xã Ea D) về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn K trú tại thôn 5, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của người bị kiện trình bày tóm tắt:

Ông K có tên trong danh sách các hộ dựng nhà trái phép nằm trong đất rừng dự án QL 14 phải giải tỏa, nhưng không có tên trong danh sách các hộ nộp tiền huy động góp vốn của nhân dân khu vực tái định cư sau khi giải tỏa rừng phòng hộ.

Ông K, bà Y khiếu nại không được tái định cư, thì đã được giải quyết bằng Quyết định số 1618 ngày 5/7/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Đối với biên lai thu thuế là nộp cho diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận Ông K khiếu nại làm thất lạc là không có căn cứ giải quyết.

Tại các Giấy xác nhận, ông Hoàng Văn D khẳng định:

Ông K, bà Y có khai hoang thửa đất tại thôn 5, xã Ea R, đồng thời xây dựng nhà gỗ từ năm 2007 đến năm 2011. Gia đình ông K có kê khai và nộp thuế sử dụng đất diện tích căn nhà gỗ khoảng 80m². Ông là người trực tiếp thu thuế hàng năm nhà ông K, bà Y. Năm 2003, lúc ông làm thôn trưởng, ông thông báo cho các hộ dân phải nộp thuế. Trong đó có hộ ông K. Ông K kê khai và nộp thuế. Tiền thuế ông K nộp ông thu và nộp lại cho Ủy ban.

Tại Giấy xác nhận, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị D, bà Ngô Thị H, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T xác nhận tóm tắt nội dung: Gia đình ông K khai hoang sử dụng ổn định thửa đất từ năm 1984 đến nay.

Tại các Biên lai thu thuế (Từ Bl số 07 – BL số 14) tổng hợp tóm tắt: Người nộp thuế là ông Nguyễn Văn K, thôn 5, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk. Nội dung nộp: Thuế nhà và thuế nhà đất.

Tại Đơn khiếu nại ngày 15 tháng 6 năm 2024 có nội dung tóm tắt: Ông K khiếu nại về việc UBND xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk) làm thất lạc hồ sơ.

Tại Thông báo số 41/TB –UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của UBND xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk) thể hiện nội dung tóm tắt như sau:

Ông K có tên trong danh sách các hộ dựng nhà trái phép nằm trong đất rừng dự án QL 14 phải giải tỏa nhưng không có tên trong danh sách các hộ nộp tiền huy động góp vốn của nhân dân khu vực tái định cư sau khi giải tỏa rừng phòng hộ.

Ông K, bà Y khiếu nại không được tái định cư, thì đã được giải quyết bằng Quyết định số 1618 ngày 5/7/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Đối với biên lai thu thuế là nộp cho diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận Ông K khiếu nại làm thất lạc là không có căn cứ giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Kháng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30, khoản 1 Điều 31, các điều 125, 193, 204 và Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; Căn cứ các điều 7, 8, 11, 17, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 của Luật khiếu nại; Căn cứ Mục 2, Chương II của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà Y về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 41/TB – UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của UBND xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk).

Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo về việc giải quyết khiếu nại trong quản lý đất đai (Thông báo có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính). Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật tố tụng hành chính.

+ Người khởi kiện, khởi kiện và có nộp tạm ứng án phí. Người bị kiện là là cơ quan nhà nước cấp xã có cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nhân dân huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là TAND Khu vực 9 – Đắk Lắk), vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk, căn cứ vào Điều 31 và Điều 125 của Luật tố tụng hành chính để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành đối thoại nhưng đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, thì Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng:

[3.1]. Về căn cứ ban hành Thông báo số 41/TB – UBND.

Ông K khiếu nại về việc ủy ban làm thất lạc hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng Thông báo số 41/TB-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của UBND xã Ea R, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk - Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk (Gọi tắt là Thông báo số 41) lại căn cứ vào danh sách các hộ nộp tiền huy động góp vốn của nhân dân khu vực tái định cư sau khi giải tỏa rừng phòng hộ, kết quả giải quyết khiếu nại về tái định cư và căn cứ vào biên lai thu thuế để ban hành thông báo. Ngoài ra Thông báo không viện dẫn văn bản hay căn cứ (điều luật) pháp luật nào để làm cơ sở cho việc giải quyết khiếu nại.

[3.2]. Về thẩm quyền ban hành Thông báo số 41/TB –UBND.

Tại Điều 17 của Luật khiếu nại quy định:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);... có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

Như vậy ngày 10 tháng 7 năm 2024, UBND xã Ea R, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk) ban hành Thông báo số 41/TB - UBND là không đúng với quy định tại Điều 17 của Luật khiếu nại.

[3.3]. Về trình tự thủ tục ban hành Thông báo số 41/TB –UBND.

Điều 7 của Luật khiếu nại quy định trình tự khiếu nại như sau:

1. Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình, thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Ông K cho rằng UBND xã Ea R đã làm thất lạc hồ sơ nên khiếu nại là đúng với quy định tại Điều 7 của Luật khiếu nại.

Ông K khiếu nại bằng văn bản là phù hợp với hình thức được quy định tại Điều 8 của Luật khiếu nại. Nội dung ông K khiếu nại không thuộc một trong các khiếu nại không được thụ lý theo quy định tại Điều 11 của Luật khiếu nại. Vì vậy khiếu nại của ông K phải được thụ lý theo Điều 27 của Luật khiếu nại. Đồng thời trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại..., người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

Xét về thời hạn ban hành Thông báo số 41/TB - UBND tuy đã đảm bảo theo quy định tại Điều 28 của Luật khiếu nại. Tuy nhiên trước khi ban hành thông báo, chủ thể ban hành không xác minh nội dung khiếu nại, để kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp đã đúng hay chưa. Nếu chưa có cơ sở kết luận nội dung khiếu nại, thì tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại...; không tiến hành ghi ý kiến của các bên là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 29 của Luật Khiếu nại và Mục 2, Chương II của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Hơn nữa trước khi ban hành Thông báo chủ thể ban hành cũng không tiến hành tổ chức đối thoại, không lập biên bản đối thoại theo quy định tại Điều 30 của Luật khiếu nại, để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại là không đúng.

[3.4.] Nội dung và hình thức của Thông báo số 41/TB –UBND.

Theo quy định tại Điều 31 của Luật khiếu nại, thì hình thức văn bản phải bằng quyết định và có những nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;*
- b) Tên, địa chỉ người khiếu nại, người bị khiếu nại;*

- c) Nội dung khiếu nại;
- d) Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- đ) Kết quả đối thoại (nếu có);
- e) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
- g) Kết luận nội dung khiếu nại;
- h) Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;
- i) Việc bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại (nếu có);
- k) Quyền khiếu nại lần hai, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Trong khi đó Ủy ban nhân dân xã Ea R lại ban hành bằng Thông báo chứ không phải là Quyết định và nội dung của Thông báo không đúng với quy định tại Điều 31 của Luật khiếu nại. Ông K khiếu nại về việc làm thất lạc hồ sơ, thì lại trả lời về danh sách các hộ nộp tiền huy động góp vốn của nhân dân khu vực tái định cư sau khi giải tỏa rừng phòng hộ, kết quả giải quyết khiếu nại về tái định cư và biên lai thuế. Mặt khác, ông K, bà Y cung cấp biên lai nộp thuế và được ông Vũ Văn D trưởng thôn xác nhận là nộp thuế cho thửa đất liên quan đến việc khiếu nại.

[3.4]. *Như vậy từ những nhận định và phân tích nêu trên nhận thấy: Ngày 10 tháng 7 năm 2024, UBND xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk) ban hành Thông báo số 41/QĐ-UBND là không đúng thẩm quyền; căn cứ ban hành chưa mang tính thuyết phục; ban hành không đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; nội dung của thông báo không đảm bảo và hình thức không đúng với quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, do đó yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ghi nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, tuyên hủy toàn bộ Thông báo số 41/TB – UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của UBND xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk).*

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận vì vậy người bị kiện phải chịu toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 31, các điều 125, 193, 204 và Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ các điều 7, 8, 11, 17, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 của Luật khiếu nại;

Căn cứ Mục 2, Chương II của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, bà Trịnh Thị Y về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 41/TB - UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk) về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn K, trú tại thôn 5, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.*

Hủy toàn bộ Thông báo số 41/TB - UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk) về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn K, trú tại thôn 5, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Về án phí:*

Ủy ban nhân dân xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk) phải nộp 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn K, bà Trịnh Thị Y 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011309 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

3. *Về quyền và thời hạn kháng cáo:*

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 9 – Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Ông Nguyễn Văn K, bà Trịnh Thị Y;
- Ông Nguyễn Ngọc S, ông Nguyễn Quốc B;
- UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk;
-;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng